TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST Ngày 14-9-2018 V/v tranh chấphôn nhân gia đình	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Bùi Thị Huê***

Các Hội thẩm nhân dân: Ông ***Nguyễn Văn Đông***

Ông ***Hoàng Văn Hạnh***

- Thư ký phiên tòa: Ông ***Trần Anh Quang*** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*: Bà* ***Vũ Thị Phương Thảo*** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018; và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Đức T** – sinh năm 1970.

ĐKNKTT: Số 10, tổ 19 D Q H, phường Q H, quận Cầu Giấy, Hà Nội, có mặt.

Nghề nghiệp: Tự do

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: Ông Lê Văn K - Luật sư văn phòng Luật sư 118 Hà Nội - Thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị P** - sinh năm 1970.

ĐKNKTT: Số 10, tổ 19 D Q H, phường Q H, quận Cầu Giấy, Hà Nội, có mặt.

Nghề nghiệp: Tự do

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phượng: Ông Bùi Như Đ - Luật sư văn phòng Luật sư Bùi Đỗ & Cộng sự - Thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/4/2017, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về tình cảm: Anh Nguyễn Đức T kết hôn với chị Nguyễn Thị P trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D V, huyện T L, Hà Nội (nay là quận C G, Hà Nội) vào ngày 31/10/1994. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà số 10 ngõ 79 phố D Q H, phường Q H, quận Cầu Giấy, Hà Nội cùng với bố mẹ anh T, cho đến năm 2010 bố mẹ anh T chuyển sang nhà anh trai anh Thắng ở sát cạnh nhà. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau về cách suy nghĩ, tính cách, thường xuyên xảy ra xô xát. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, năm 2015 anh T đã nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn nhưng được Tòa án và gia đình hòa giải nên anh T rút đơn về chung sống. Tuy nhiên vì mâu thuẫn ngày càng căng thẳng không khắc phục được, anh T, chị P đã sống ly thân từ khi xảy ra mâu thuẫn cho tới nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức T trình bày anh và chị Nguyễn Thị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T (nữ) sinh ngày 23/8/1995 và cháu Nguyễn Đức M (nam) sinh ngày 15/10/1996, các cháu đã trưởng thành tự lập, ở với ai do các cháu tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Nguyễn Đức T xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Đức T tự nguyện nộp cả.

Ngoài những yêu cầu trên anh Thắng không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đức T kết hôn có tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31/10/1994 tại Ủy ban nhân dân xã D V, huyện T L, Hà Nội (nay là quận C G, Hà Nội) vào ngày 31/10/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, sau đó gia đình có những mâu thuẫn nhỏ nhưng đều tự giải quyết được và cuộc sống bình thường. Đến năm 2007 anh T nghiện ma túy sau khi anh T cai nghiện trở về, anh T có chung sống với một người phụ nữ khác. Từ đó anh T thường xuyên về gây gổ

đánh chửi vợ con, gây áp lực và làm đơn xin ly hôn nhằm chung sống với người phụ nữ khác, chị có làm đơn gửi lên Công an quận cũng như Công an phường Q H, vì anh T vi phạm chế độ một vợ một chồng. Nay chị P mong muốn anh T thay đổi suy nghĩ, về chung sống với vợ con cùng nhau nuôi dạy con chung. Chị P không đồng ý ly hôn. Nếu anh T quyết tâm ly hôn chị xin chia tài sản.

Về con chung chị Nguyễn Thị P trình bày chị và anh Nguyễn Đức T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T (nữ) sinh ngày 23/8/1995 và cháu Nguyễn Đức M (nam) sinh ngày 15/10/1996, các cháu đã trưởng thành tự lập, ở với ai do các cháu tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị Ph xin tài sản chung là nhà và đất tại số 10, tổ 19 D Q H, phường Q H, quận Cầu Giấy, Hà Nội, ngày 15/8/2017 chị P nộp án phí chia tài sản chung đến ngày 09/7/2018 chị P tự nguyện rút đơn xin chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về án phí: Anh Nguyễn Đức T tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị P không có ý kiến gì

Ngoài những yêu cầu trên chị P không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T: ông Lê Văn K - Luật sư văn phòng Luật sư 118 Hà Nội - Thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội trình bày:

Quyền ly hôn và quyền kết hôn là sự tự nguyện của các bên, thực tế tình cảm vợ chồng anh T và chị P mâu thuẫn từ rất lâu không khắc phục được, tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX cho anh T xin được ly hôn với chị P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị P: ông Bùi Như Đ - Luật sư văn phòng Luật sư Bùi Đỗ & Cộng sự - Thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội trình bày: Nhất trí với quan điểm việc kết hôn và ly hôn là sự tự nguyện, lỗi ở đây là do hoàn toàn anh T gây nên, vì anh T chung sống với một người phụ nữ khác nên anh T không có thiện chí hòa giải, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện chính quyền địa phương và gia đình nơi anh T, chị P cư trú cung cấp: Anh T và chị P lấy nhau có 02 con chung, hiện nay anh T và chị P cư trú ổn định tại số nhà 10 ngõ 79 phố D Q H, phường Q H, Cầu Giấy, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng anh T chị P đã mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân

mâu thuẫn do cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Cả hai vợ chồng anh T chị P đã ly thân, không còn ai quan tâm tới ai, không sống được với nhau từ lâu.

Chính quyền địa phương chưa bao giờ nhận được phản ánh của chị P về việc anh T ngoại tình hay có con riêng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án.

1. Xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T (nữ) sinh ngày 23/8/1995 và cháu Nguyễn Đức M (nam) sinh ngày 15/10/1996. Khi ly hôn các cháu đã trưởng thành, ở với ai do các cháu tự quyết định. Đề nghị Tòa ánkhông giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ chung: anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí anh T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Đức T có đơn khởi kiện giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị P. Do đó đây là vụ án tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn là chị Nguyễn Thị P hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ổn định tại số 10, tổ 19 D Q H, phường Q H, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 31/10/1994 tại Ủy ban nhân dân xã D V, huyện T L, Hà Nội (nay là quận C G, Hà Nội) nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P là hợp pháp.

Về tình cảm: Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị P chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách và lối sống không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung, phía anh T là người chồng không có trách nhiệm cũng như không còn quan tâm tới vợ con và gia đình, bản thân chị P cũng đã đưa ra nhiều biện pháp khắc phục nhưng tình cảm của hai vợ chồng không hề thay đổi ngày càng căng thẳng và trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ là không có được. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ năm 2011 và vợ chồng đã sống ly thân từ thời điểm đó cho tới nay, tuy sống chung một nhà nhưng không ăn chung với nhau và không còn quan tâm đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân anh chị đã không tồn tại từ khoảng năm 2011, đã 3 lần anh T làm đơn xin ly hôn và anh chị đã sống ly thân từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, mỗi người sống một cuộc sống và không quan tâm đến nhau. Trong khoảng thời gian tương đối dài như vậy. Do vậy cuộc sống chung vợ chồng giữa anh T và chị P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh T yêu cầu được ly hôn với chị P là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T (nữ) sinh ngày 23/8/1995 và cháu Nguyễn Đức M (nam) sinh ngày 15/10/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, ở với ai do các cháu tự quyết định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Anh Nguyễn Đức T không đề nghị Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Thị P có đơn xin chia tài sản và đã nộp dự phí, ngày 09/7/2018 chị P có đơn xin tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên sẽ tự giải quyết với nhau, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Do chị P không có yêu cầu chia tài sản nên trả lại chị Nguyễn Thị P số tiền án phí đã nộp là

36.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0005216 ngày 01/9/2017.

[4] Anh T, chị P có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 khoản 3 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điều khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. ***Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T, cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.***

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T (nữ) sinh ngày 23/8/1995 và cháu Nguyễn Đức M (nam) sinh ngày 15/10/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, ở với ai do các cháu tự quyết định nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Các bên sẽ tự giải quyết với nhau, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AQ/2010/0001476, ngày 12 tháng 5 năm 2017, trả lại chị Nguyễn Thị P số tiền án phí đã nộp là 36.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0005216 ngày 01/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thị P có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Thị Huê

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
-UBND phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Các bên đương sự;

- Lưu Vp, HSVA.